

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 13/11/2019  
V/v: Ly hôn giữa ông Viễn và bà  
Huyền.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Thúc Lân

2. Ông K'Mák

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Quyên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lại Quan V – Sinh năm: 1979

Trú tại: Thôn H – xã H – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(Ông V có mặt)

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Thu H – Sinh năm: 1979

Trú tại: Thôn H – xã H – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ghi ngày 29 tháng 8 năm 2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lại Quan V trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà H tự nguyện tìm hiểu yêu thương*

nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, sau đó đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 11/9/2001. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân bình thường, khoảng 02 năm trở lại đây cuộc sống chung của ông V, bà H xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong cách xử lý công việc, kinh doanh buôn bán, làm vườn, ông V, bà H thường xuyên cãi nhau, cả hai đều giữ nguyên quan điểm, lập trường của riêng mình, không tìm thấy tiếng nói chung. Do gia đình làm kinh tế buôn bán, lượng khách ra vào nhiều nên ông V và bà H không to tiếng để giữ thể diện cho nhau vì vậy mà hàng xóm láng giềng không ai biết mâu thuẫn của gia đình ông V, bà H. Năm 2018 ông V đã nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án xin được ly hôn với bà H, qua hòa giải thì ông V đã rút đơn để vợ chồng về hàn gắn tình cảm, tiếp tục chung sống và cùng nhau nuôi dạy con chung, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn gay gắt, bất đồng trong công việc, mặc dù hiện vẫn sống chung với nhau nhưng do mâu thuẫn kéo dài, cãi nhau thường xuyên khiến cho cuộc sống hôn nhân trở nên mệt mỏi. Ông V nhận thấy hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của ông V dành cho bà H không còn nữa, nên ông V yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị Thu H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông V và bà H có 04 con chung là Lại Thế S – sinh ngày 05/11/2001; Lại Thế S' – sinh ngày 20/06/2005; Lại Thế S'' – sinh ngày 12/9/2011; Lại Thị Phúc H – sinh ngày 26/9/2012. Ông V yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung chưa đủ tuổi thành niên là Lại Thế S' – sinh ngày 20/06/2005, Lại Thế S'' – sinh ngày 12/9/2011; Lại Thị Phúc H – sinh ngày 26/9/2012 và không yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Còn đối với 01 con chung là Lại Thế S – sinh ngày 05/11/2001 đến nay đã đủ tuổi thành niên nên ông V không có yêu cầu gì đối với con chung Lại Thế S.

- Về tài sản chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung;

- Về nợ chung: Ông V và bà H không có nợ chung.

Ngoài ra ông Lại Quan V không trình bày hay yêu cầu gì khác.

\* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Bùi Thị Thu H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông V tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, sau đó đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 11/9/2001. Cuộc sống hôn nhân của ông V, bà H bình thường như bao gia đình khác, thỉnh thoảng có cãi nhau, đôi khi bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng cũng chỉ là mâu thuẫn thường xảy ra trong hôn nhân không đến mức phải ly hôn, bà H mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và mong muốn biết được bà H bất đồng quan điểm với ông V ở những điểm nào để bản thân sửa đổi, để cùng ông V xây dựng hạnh phúc gia đình, cuộc sống

hôn nhân của ông V, bà H vẫn đang tiếp diễn bình thường, vẫn cùng nhau làm ăn kinh tế, vẫn cùng nhau nuôi dạy con chung. Ông V yêu cầu ly hôn với bà H với lý do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, bà H mong muốn được hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, bà H sẽ làm vườn, không buôn bán cùng ông V nữa, bà H không muốn phá vỡ hạnh phúc gia đình, làm ảnh hưởng đến cuộc sống chung, tâm lý của các con và phá vỡ các mối quan hệ làm ăn mà gia đình đang có. Bà H không đồng ý ly hôn với ông Lại Quan V.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông V có 04 con chung là Lại Thế S – sinh ngày 05/11/2001; Lại Thế S’ – sinh ngày 20/06/2005; Lại Thế S’’ – sinh ngày 12/9/2011; Lại Thị Phúc H – sinh ngày 26/9/2012. Ông Lại Quan V yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung chưa đủ tuổi thành niên là Lại Thế S’ – sinh ngày 20/06/2005, Lại Thế S’’ – sinh ngày 12/9/2011; Lại Thị Phúc H – sinh ngày 26/9/2012 và không yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H đồng ý giao 03 con chung là Lại Thế S’, Lại Thế S’’, Lại Thị Phúc H cho ông Lại Quan V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Còn đối với 01 con chung là Lại Thế S – sinh ngày 05/11/2001 đã đủ tuổi thành niên nên bà H không có yêu cầu gì đối với con chung Lại Thế S.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung;

- Về nợ chung: Ông V và bà H không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lại Quan V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn bà Bùi Thị Thu H không đồng ý ly hôn và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

\* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng.

- Nguyên đơn ông Lại Quan V và bị đơn bà Bùi Thị Thu H chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung của vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông V tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 11/9/2001. Xét thấy quan hệ hôn nhân của ông V và bà H không đạt được mục đích, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, bà H không công khai tiền bạc, hai vợ

chồng không cùng chí hướng, trong cuộc sống hôn nhân hay xảy ra cãi nhau. Nay ông V nhận thấy tình cảm với bà H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông V và bà H có 04 con chung là Lại Thế S – sinh ngày 05/11/2001; Lại Thế S’ – sinh ngày 20/06/2005; Lại Thế S’’ – sinh ngày 12/9/2011; Lại Thị Phúc H – sinh ngày 26/9/2012. Xét yêu cầu của ông V yêu cầu được trực chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi 03 con chung cho đến khi 03 con chung đủ tuổi thành niên, ông V có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện về kinh tế để nuôi con và xét nguyện vọng của 03 con chung mong muốn được sống cùng ba sau khi ba mẹ ly hôn nên việc giao 03 con chung là Lại Thế S’ – sinh ngày 20/06/2005; Lại Thế S’’ – sinh ngày 12/9/2011; Lại Thị Phúc H – sinh ngày 26/9/2012 cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông V không yêu cầu bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Ông V và bà H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

Về công nợ chung: Ông V trình bày không có công nợ chung, không ai yêu cầu ông V, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung nên không xem xét.

\*Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Lại Quan V cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 Giấy khai sinh mang tên Lại Thế S (bản sao); 01 Giấy khai sinh mang tên Lại Thế S’ (bản sao); 01 Giấy khai sinh mang tên Lại Thế S’’ (bản sao); 01 Giấy trích lục khai sinh mang tên Lại Thị Phúc H (bản sao); 01 phiếu gửi mang số hiệu EW 67 8400387VN ngày 29/8/2019 (bản chính); 01 CMND mang tên Lại Quan V (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lại Quan V (bản sao).

- Bị đơn bà Bùi Thị Thu H cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân (phô tô).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 bản tự khai ngày 11/9/2019 của bà Bùi Thị Thu H; 01 bản tự khai ngày 09/9/2019 của ông Lại Quan V; 01 bản tự khai ngày 28/10/2019 của Lại Thế S; 01 bản tự khai ngày 28/10/2019 của Lại Thế S’; 01 bản tự khai ngày 23/10/2019 của Lại Thế S’’; 01 bản tự khai ngày 28/10/2019 của Lại Thị Phúc H; 01 Biên bản xác minh ngày 12/11/2019.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lại Quan V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Bùi Thị Thu H, bị đơn có nơi cư trú thôn H – xã H – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Ông V và bà H tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 11/9/2001 vì vậy quan hệ hôn nhân được xác lập giữa ông V và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa ông V và bà H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, bà H không tôn trọng ông V khiến cuộc sống hôn nhân trở nên căng thẳng, ông V cho rằng tình cảm ông V dành cho bà không còn nên ông V đã có đơn yêu cầu ly hôn nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bà H đã không thuyết phục được ông V hàn gắn hạnh phúc gia đình để vợ chồng trở về sống với nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của ông V và bà H trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa. Ông V cũng đã từng nộp đơn ly hôn với bà H vào năm 2018 nhưng qua hòa giải ông V đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2018, tuy nhiên từ khi vợ chồng quay về đoàn tụ thì mâu thuẫn vợ chồng vẫn gay gắt, vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, tại phiên tòa hôm nay ông V và bà H vẫn bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn kinh tế, không tôn trọng ý kiến của nhau vì vậy ông Lại Quan V cương quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị Thu H để ổn định cuộc sống.

Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2019 đại diện Hội phụ nữ xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho biết: Bà Bùi Thị Thu H tham gia, sinh hoạt Hội phụ nữ xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, và là hội viên của xã. Bà H không yêu cầu Hội phụ nữ xã hòa giải về mâu thuẫn vợ chồng, được biết gia đình ông V và bà H không có mâu thuẫn gì lớn, không thấy đánh nhau, chửi nhau gây ảnh hưởng đến trật tự lối xóm. Qua thông tin từ các hội viên được biết trước đây ông V và bà H đã từng nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về thủ tục ly hôn sau rồi rút đơn, đến nay lại nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn lại. Hội phụ nữ xã H không nhận được yêu cầu Hội phụ nữ hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của ông V.

Xét thấy hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa ông V và bà H trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng tuy sống chung với nhau nhưng không ai còn quan tâm đến ai nữa, mục đích hôn nhân giữa ông V và bà H không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài, hơn nữa ông V đã từng nộp đơn ly hôn và sau đó rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, ông V vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội Đồng xét xử xét

thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lại Quan V, cho ông V được ly hôn với bà H là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Trích lục khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thể hiện họ tên Lại Thế S – sinh ngày 05/11/2001; Lại Thế S’ – sinh ngày 20/06/2005; Lại Thế S’’ – sinh ngày 12/9/2011; Lại Thị Phúc H – sinh ngày 26/9/2012 có họ tên người mẹ Bùi Thị Thu H, họ tên người cha Lại Quan V. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định Lại Thế S – sinh ngày 05/11/2001; Lại Thế S’ – sinh ngày 20/06/2005; Lại Thế S’’ – sinh ngày 12/9/2011; Lại Thị Phúc H – sinh ngày 26/9/2012 là con chung của ông V và bà H.

Ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là Lại Thế S’ – sinh ngày 20/06/2005; Lại Thế S’’ – sinh ngày 12/9/2011; Lại Thị Phúc H – sinh ngày 26/9/2012 sau khi ly hôn. Xét thấy ông Lại Quan V có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo được cuộc sống của 03 con chung sau khi ly hôn, yêu cầu này cũng phù hợp với nguyện vọng của 03 con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 03 con chung là Lại Thế S’ – sinh ngày 20/06/2005; Lại Thế S’’ – sinh ngày 12/9/2011; Lại Thị Phúc H – sinh ngày 26/9/2012 cho ông V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

Đối với 01 con chung là Lại Thế S – sinh ngày 05/11/2001 đã đủ tuổi thành niên, nguyên đơn ông Lại Quan V và bị đơn bà Bùi Thị Thu H không có yêu cầu gì đối với con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông V không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Ông V và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Ông V và bà H không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông Lại Quan V khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Lại Quan V đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003971 ngày 09 tháng 09 năm 2019 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Ông Lại Quan V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lại Quan V đối với bà Bùi Thị Thu H về tranh chấp ly hôn.

Cho ông Lại Quan V được ly hôn với bà Bùi Thị Thu H.

2. Về con chung:

Giao 03 con chung Lại Thế S’ – sinh ngày 20/06/2005, Lại Thế S’’ – sinh ngày 12/9/2011; Lại Thị Phúc H – sinh ngày 26/9/2012 cho ông Lại Quan V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi 03 con chung đến tuổi thành niên.

Bà Bùi Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Ông Lại Quan V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Lại Quan V đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003971 ngày 09 tháng 09 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Ông Lại Quan V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 13/11/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI BẢO XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã kí)

**Nguyễn Thị Hà Giang**



